TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2026/HNGĐ-ST
Ngày 21-8-2026
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Nhạn;

Bà Phạm Thị Vĩnh .

- Thư ký phiên toà: Ông Lương Đăng Bùi - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 296/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2026 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2026/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Đỗ Văn K, sinh năm 1975; căn cước công dân số: 031075009018; nơi cư trú: Thôn T (nay là thôn B), xã A, thành phố Hải Phòng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Chị Vũ Thị Thu H, sinh năm 1978; căn cước công dân số: 031178006943; nơi cư trú: Thôn T (nay là thôn B), xã A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.oà, V, Hải Phòng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Đỗ Văn K trình bày: Anh và chị Vũ Thị Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện A (nay là xã A), thành phố Hải Phòng ngày 08 tháng 10 năm 1998. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn T (nay là thôn B), xã A. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận đến tháng 8 năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân do chị H chơi cờ bạc, vay nợ nhiều làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, chồng con. Anh K có tham gia với chị H nhiều lần nhưng

chị H không thay đổi dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống gia đình ngột ngạt, căng thẳng. Anh K và chị H đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay, vợ chồng không quan tâm nhau. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ nên anh yêu cầu được ly hôn chị H. Anh và chị H có 02 con chung là Đỗ Mạnh T, sinh ngày 25 tháng 7 năm 1999 và Đỗ Trung Đ, sinh ngày 22 tháng 11 năm 2007 đều đã đủ 18 tuổi, tự lao động nuôi sống bản thân nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung và tài sản chung.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho bị đơn nhưng chị Vũ Thị Thu H không đến Tòa án tham gia tố tụng.

Xác minh tại gia đình và chính quyền địa phương về quan hệ hôn nhân giữa anh K và chị H thể hiện: Anh chị tự nguyện kết hôn và chung sống cùng nhau tại thôn T (nay là thôn B), xã A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn do chị H chơi cờ bạc, vay nợ nhiều làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, chồng con. Gia đình đã hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Từ cuối năm 2023 đến nay anh K và chị H đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm nhau. Anh chị có 02 con chung là Đỗ Mạnh T và Đỗ Trung Đ đều đã đủ 18 tuổi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật của vụ án là về việc ly hôn.

Về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn tình cảm giữa anh K và chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm Điều 19, Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh K được ly hôn chị H. Không xem xét, giải quyết về con chung và tài sản chung do đương sự không yêu cầu. Anh K là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; anh K và chị H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án dân sự về việc ly hôn. Bị đơn là chị Vũ Thị Thu H có nơi cư trú tại xã A, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng.

[2] Các hành vi, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; các đương sự, người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì.

[3] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, mặc dù đã được tống đạt hợp lệ. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh K và chị H.

- Về nội dung:

[4] Anh Đỗ Văn K và chị Vũ Thị Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện A (nay là xã A), thành phố Hải Phòng ngày 08 tháng 10 năm 1998 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Anh Đỗ Văn K trình bày phù hợp với các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án nên có căn cứ xác định: Sau khi kết hôn anh K và chị H chung sống tại thôn T (nay là thôn B), xã A, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do do chị H chơi cờ bạc, vay nợ nhiều làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, chồng con. Do mâu thuẫn trầm trọng nên từ cuối năm 2023 đến nay anh chị đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Xét thấy, anh K và chị H đã không còn yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình; không chung sống với nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy, mâu thuẫn giữa anh K và chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của anh K được ly hôn chị H.

[6] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Đỗ Mạnh T, sinh ngày 25 tháng 7 năm 1999 và Đỗ Trung Đ, sinh ngày 22 tháng 11 năm 2007 đều đã đủ 18 tuổi, tự lao động nuôi sống bản thân nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung: Anh Đỗ Văn K và chị Vũ Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Đỗ Văn K là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Anh K và chị H có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Văn K được ly hôn chị Vũ Thị Thu H.

2. Về con chung: Anh K và chị H có 02 con chung là Đỗ Mạnh T, sinh ngày 25 tháng 7 năm 1999 và Đỗ Trung Đ, sinh ngày 22 tháng 11 năm 2007 đều đã đủ 18 tuổi, tự lao động nuôi sống bản thân nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Anh Đỗ Văn K và chị Vũ Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Anh Đỗ Văn K phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh K đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0005606 ngày 12 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Đỗ Văn K và chị Vũ Thị Thu H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 2 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 2 - Hải Phòng;
- UBND xã An Lão (ĐKKH năm 1998);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tùng